



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49/2025/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 28 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin,
dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số
điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Kết luận số 110-KL/ĐU ngày 18/11/2025 của Đảng ủy UBND tỉnh
về kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh, nhiệm kỳ 2025 - 2030 tại Hội
nghị lần thứ 11 về nội dung kinh tế - xã hội;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế hoạt động, vận
hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động, vận hành,
khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Điều khoản thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.
- Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (trước đây) ban hành quy chế cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KTVB&QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐB QH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP + CV VPUBND tỉnh;
- TT Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, T4.

(Signature)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Signature)

Nguyễn Tuấn Thanh



QUY CHẾ

Hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 49/2025/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy chế này quy định hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
- Quy định việc thực hiện tiếp nhận và xử lý hồ sơ kê khai giá của các tổ chức kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật trên Cơ sở dữ liệu về giá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Các từ ngữ được sử dụng trong Quy chế này thực hiện theo nội dung giải thích tại Điều 4 Luật Giá số 16/2023/QH15.

2. Ngoài các từ ngữ tại khoản 1 Điều này, những từ ngữ trong Quy chế này được hiểu như sau:

Cơ sở dữ liệu về giá là tập hợp thông tin, dữ liệu về giá của hàng hóa, dịch vụ dưới dạng điện tử, được chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ, quản lý, sắp xếp, tổ chức, truy cập, khai thác thông qua phương tiện điện tử theo quy định tại Luật Giá số 16/2023/QH15, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã).

Điều 4. Cơ sở dữ liệu về giá

1. Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai là phần mềm tin học được sử dụng cho cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh doanh; các tổ chức, cá nhân khác tại địa phương liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai phục vụ việc tập hợp tài liệu, dữ liệu thông tin về giá của tài sản, hàng hóa, dịch vụ và các thông tin liên quan, do cơ quan quản lý nhà nước về giá ở địa phương xây

dựng, quản lý một cách có hệ thống, có tổ chức để phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá và cung cấp thông tin về giá theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Vận hành phần mềm theo phương thức trực tuyến qua đường truyền thông Internet hoặc mạng chuyên dụng, phần mềm chạy trên nền tảng Web app. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp sử dụng phần mềm dùng chứng thư số hoặc chữ ký số để nộp hồ sơ, kê khai giá với cơ quan nhà nước.

2. Địa chỉ truy cập Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương: <https://dlg.gialai.gov.vn>.

Điều 5. Nguyên tắc chung trong quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá

1. Hoạt động của Cơ sở dữ liệu về giá phải đảm bảo tuân thủ theo các quy định của Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11, Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15, Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13, Luật Giá số 16/2023/QH15 và các văn bản liên quan về an toàn bảo mật thông tin trong việc sử dụng, trao đổi các chứng từ điện tử, văn bản điện tử.

2. Các thông tin về tài khoản truy cập vào Cơ sở dữ liệu về giá và các thông tin trao đổi hợp pháp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thông qua Cơ sở dữ liệu về giá được bảo mật theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi phát tán mã độc máy tính thông qua Cơ sở dữ liệu về giá sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao sử dụng các tài khoản của Cơ sở dữ liệu về giá chịu trách nhiệm về tài khoản, sử dụng thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá đúng mục đích, phù hợp với tính chất, yêu cầu của nhiệm vụ; chịu trách nhiệm trong việc sử dụng, trích dẫn thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá, không được cung cấp thông tin, dữ liệu trực tiếp cho bên thứ ba với mục đích thương mại.

Điều 6. Áp dụng và xử lý các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý sử dụng khai thác Cơ sở dữ liệu về giá

Việc áp dụng và xử lý các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá được áp dụng theo các quy định của Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11, Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15, Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II HOẠT ĐỘNG, VẬN HÀNH, KHAI THÁC THÔNG TIN, DỮ LIỆU TỪ CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

Điều 7. Quản lý Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm quản lý Cơ sở dữ liệu về giá:

Giữ tài khoản quản trị hệ thống, quản lý tài khoản được cấp của phần mềm,

theo dõi quá trình cập nhật giá của các cơ quan, đơn vị, kê khai giá của các tổ chức, quản lý nhật ký hoạt động của người dùng, thực hiện cấp mới và thu hồi tài khoản người dùng khi không còn nhu cầu sử dụng; phối hợp đơn vị cung cấp Cơ sở dữ liệu về giá, đơn vị cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và hạ tầng truyền thông thực hiện lưu trữ dữ liệu về giá an toàn theo định kỳ, đảm bảo phần mềm hoạt động thường xuyên, liên tục không bị gián đoạn.

Thường xuyên tổng hợp các vướng mắc trong quá trình sử dụng phần mềm cùng những kiến nghị để báo cáo, đề xuất kịp thời Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo quy định.

Trường hợp có sự cố hoặc thay đổi do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định mới hoặc sửa đổi, bổ sung quy định hiện hành, Sở Tài chính thực hiện tiếp nhận, phối hợp với đơn vị cung cấp phần mềm khắc phục và thay đổi theo tình hình thực tế và theo yêu cầu. Ngoài ra, trong trường hợp cần phải nâng cấp hoặc sửa chữa Cơ sở dữ liệu về giá nhằm đáp ứng được yêu cầu quản lý; Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cùng đơn vị cung cấp phần mềm thực hiện theo quy định.

2. Đơn vị cung cấp phần mềm có trách nhiệm hỗ trợ Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc kết nối Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá khi có yêu cầu và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 8. Quy định về cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khai thác Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai

1. Sở Tài chính là cơ quan sử dụng phần mềm tổng hợp quản lý giá và khai thác Cơ sở dữ liệu về giá trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh là cơ quan sử dụng phần mềm tổng hợp quản lý giá và khai thác Cơ sở dữ liệu về giá trong phạm vi cơ quan, đơn vị quản lý.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường (cụ thể: Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) là cơ quan sử dụng phần mềm tổng hợp quản lý giá và khai thác cơ sở dữ liệu giá thuộc phạm vi quản lý.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác được cấp quyền sử dụng Cơ sở dữ liệu về giá khai thác Cơ sở dữ liệu về giá trong phạm vi đơn vị quản lý.

Điều 9. Quản lý danh mục hàng hóa, dịch vụ, tài khoản trên Cơ sở dữ liệu về giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về giá:

a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật.

c) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá theo thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý tại địa phương được quy định tại khoản 4 Điều 21 Luật số 16/2023/QH15, gồm:

- Khung giá: Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Giá tối đa bao gồm:

- Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý.

- Dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

- Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô.

- Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt).

- Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng.

Giá cụ thể bao gồm:

- Nước sạch.

- Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập.

- Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Dịch vụ vận chuyển khí thiên nhiên bằng đường ống và dịch vụ tồn trữ, tái hóa, vận chuyển và phân phối khí thiên nhiên hóa lỏng cho sản xuất điện.

- Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân).

- Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương.

- Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương.

- Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

- Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ.

- Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.
- Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước).
- Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
- Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.
- Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước.

d) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, giá hàng hóa dịch vụ được thực hiện kê khai trên địa bàn tỉnh.

e) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập tại địa phương.

g) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

h) Giá đất cụ thể của các dự án do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

i) Đơn giá thuê đất.

k) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, xa và hải đảo.

l) Bảng giá đất do cấp có thẩm quyền ban hành; giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất tại địa phương.

m) Giá giao dịch bất động sản.

n) Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên (trừ gói thầu xây lắp).

o) Giá tính thuế tài nguyên.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm quản lý phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá và các tài khoản tham gia sử dụng; cập nhật danh mục hàng hóa, dịch vụ theo quy định ban hành; kịp thời cập nhật, bổ sung, sửa đổi các nội dung và biểu mẫu phù hợp theo các quy định ban hành mới liên quan Cơ sở dữ liệu về giá; đồng thời hướng dẫn cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng.

3. Tài khoản đăng nhập Cơ sở dữ liệu về giá.

a) Sở Tài chính (tài khoản Administrator); các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, tổ chức, đơn vị: mỗi đơn vị được cấp một tài khoản quản trị tham gia Cơ sở dữ liệu về giá.

b) Tài khoản quản trị của các cơ quan, đơn vị được quyền cấp tài khoản cho

các phòng, ban, cơ quan, đơn vị trực thuộc.

c) Đăng nhập Cơ sở dữ liệu về giá tại địa chỉ: <https://dlg.gialai.gov.vn> phải thay đổi mật khẩu đăng nhập trong lần đăng nhập đầu tiên, không được sử dụng mật khẩu mặc định để sử dụng.

Tên đăng nhập: Nhập tên đăng nhập vào phần mềm do Sở Tài chính hoặc cơ quan, đơn vị cấp.

Mật khẩu: Nhập mật khẩu đăng nhập của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị giao cho 01 cán bộ (cán bộ quản lý tài khoản quản trị) quản lý các tài khoản sử dụng Cơ sở dữ liệu về giá trong phạm vi thuộc cơ quan, đơn vị. Đối với cấp xã giao cho 01 cán bộ thuộc phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) để sử dụng tài khoản phần mềm cơ sở dữ liệu về giá thuộc phạm vi quản lý. Danh sách cán bộ quản lý tài khoản quản trị (họ và tên, chức vụ, bộ phận công tác, điện thoại, địa chỉ thư điện tử) gửi về Sở Tài chính để phối hợp theo dõi, quản lý.

5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân được giao quản lý, sử dụng tài khoản chịu trách nhiệm quản lý tài khoản được cấp, không được chia sẻ cho người khác dưới bất cứ hình thức nào. Trường hợp mất mật khẩu của tài khoản, thực hiện đăng ký lại mật khẩu theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

6. Trường hợp có sự thay đổi người quản lý, sử dụng tài khoản, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5, 6 Điều này giao cho người quản lý mới sử dụng tài khoản. Đồng thời, người được giao quản lý, sử dụng thực hiện thay đổi mật khẩu của tài khoản đó.

7. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị tối thiểu 06 tháng phải thay đổi mật khẩu 01 lần (mật khẩu tối thiểu là 8 ký tự bao gồm chữ viết hoa, chữ thường, chữ số và ký tự đặc biệt) để tăng cường độ bảo mật; chịu trách nhiệm về sự cố xảy ra nếu liên quan đến thông tin truy cập trên Cơ sở dữ liệu về giá tại đơn vị.

8. Sở Tài chính chịu trách nhiệm thêm mới, sửa, đóng, xóa tài khoản tham gia Cơ sở dữ liệu về giá cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối với tài khoản đã có tương tác và phát sinh dữ liệu trên phần mềm thì không được xóa tài khoản, chỉ được sửa thông tin hoặc đóng tài khoản. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu thêm mới, sửa đổi, đóng, xóa tài khoản phải có văn bản đề nghị Sở Tài chính để thực hiện.

9. Cá nhân được cấp tài khoản Cơ sở dữ liệu về giá chịu trách nhiệm lưu giữ thông tin mật tài khoản (người dùng, mật mã) theo quy định pháp luật về an ninh, an toàn thông tin hiện hành.

Điều 10. Khắc phục khi Cơ sở dữ liệu về giá gặp sự cố

1. Khi không truy cập được vào Cơ sở dữ liệu về giá hoặc gặp sự cố khác khi sử dụng phần mềm; các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên hệ với Sở Tài chính để được hướng dẫn, xử lý.

2. Ngay sau khi nhận được thông tin về sự cố, Sở Tài chính tiếp nhận, hướng

dẫn người sử dụng khắc phục sự cố hoặc lỗi truy cập Cơ sở dữ liệu về giá hoặc liên hệ với đơn vị cung cấp phần mềm để phối hợp xử lý sự cố kịp thời.

Điều 11. Thông tin phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân sử dụng nguồn thông tin phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá từ các văn bản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá thực hiện theo nguyên tắc phối hợp, chia sẻ thông tin hoặc mua tin theo hợp đồng mua tin, hợp đồng cung cấp thông tin, hợp đồng cộng tác viên cung cấp thông tin và chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm về mức độ tin cậy của thông tin cung cấp để xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá.

Điều 12. Quy định về cập nhật, sử dụng Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính

a) Cập nhật danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

b) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại Sở Tài chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quy định phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

c) Cập nhật báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính.

d) Cập nhật giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật (bao gồm nhà có tầng hầm) trên địa bàn tỉnh.

e) Cập nhật thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị.

g) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

h) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu của đơn vị vào Cơ sở dữ liệu về giá.

i) Cập nhật giá tính thuế tài nguyên.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá theo thẩm quyền quản lý gồm:

Khung giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Giá tối đa dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt).

Giá cụ thể nước sạch (đối với công trình cấp nước sạch nông thôn; đối với đơn vị vừa quản lý công trình cấp nước sạch nông thôn vừa quản lý công trình cấp nước đô thị mà có tỷ trọng sản lượng cung cấp nước sạch nông thôn lớn hơn).

Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương.

Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương.

Giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân).

Giá cụ thể dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ.

Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thuộc lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên, môi trường trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

b) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định điểm b khoản 1 Điều 10 Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

c) Cập nhật thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị.

d) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

e) Giá đất cụ thể của các dự án để giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền 01 lần cho cả thời gian thuê do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

g) Bảng giá đất do cấp có thẩm quyền ban hành.

h) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

i) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại điểm a, b, c, d, e, g, h khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về giá.

3. Sở Xây dựng

a) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá theo thẩm quyền quản lý gồm:

Giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý.

Giá tối đa dịch vụ ra, vào bến xe ô tô.

Giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Giá cụ thể nước sạch; trừ giá cụ thể nước sạch được quy định tại khoản 2 Điều này.

Giá cụ thể dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Giá cụ thể dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước).

Giá cụ thể dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.

Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thuộc lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

b) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại Sở Xây dựng theo quy định điểm c khoản 1 Điều 10 Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

c) Cập nhật thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị.

d) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

e) Cập nhật giá giao dịch bất động sản thông qua sàn giao dịch bất động sản.

g) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

h) Cập nhật mức trợ giá, trợ cước.

i) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại điểm a, b, c, d, e, g, h khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về giá.

4. Sở Tư pháp

a) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá theo thẩm quyền quản lý gồm:

Giá tối đa dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng.

Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thuộc lĩnh vực tư pháp trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

b) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại Sở Tư pháp theo

quy định điểm d khoản 1 Điều 10 Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

c) Cập nhật thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị.

d) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

e) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

g) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại điểm a, b, c, d, e khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về giá.

5. Sở Y tế

a) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá theo thẩm quyền quản lý gồm:

Giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập.

Giá cụ thể dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thuộc lĩnh vực y tế - dân số; bảo trợ xã hội, trẻ em và phòng chống tệ nạn xã hội trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

b) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại Sở Y tế theo quy định điểm d khoản 1 Điều 10 Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

c) Cập nhật thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị.

d) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

e) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

g) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại điểm a, b, c, d, e khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về giá.

6. Sở Công Thương

a) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá theo thẩm quyền quản lý gồm:

Giá cụ thể dịch vụ vận chuyển khí thiên nhiên bằng đường ống và dịch vụ tồn trữ, tái hóa, vận chuyển và phân phối khí thiên nhiên hóa lỏng cho sản xuất điện.

Giá cụ thể dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước.

Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thuộc lĩnh vực công thương trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

b) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại Sở Công Thương theo quy định điểm e khoản 1 Điều 10 Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

c) Cập nhật thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị.

d) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

e) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

g) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại điểm a, b, c, d, e khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về giá.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá theo thẩm quyền quản lý gồm: Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

b) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định điểm g khoản 1 Điều 10 Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

c) Cập nhật thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị.

d) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

e) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

g) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại điểm a, b, c, d, e khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về giá.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá theo thẩm quyền quản lý gồm: Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thuộc lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể

thao, du lịch, truyền thông trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

b) Cập nhật thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị.

c) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

e) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại điểm a, b, c, d khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về giá.

9. Sở Nội vụ

a) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá theo thẩm quyền quản lý gồm: Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thuộc lĩnh vực nội vụ về lưu trữ, dịch vụ đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

b) Cập nhật thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị.

c) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Cập nhật giá dịch vụ công ích, dịch vụ công và hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý.

e) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

g) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại điểm a, b, c, d, e khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về giá.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá theo thẩm quyền quản lý gồm: Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục và đào tạo (trừ dịch vụ đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức), sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

b) Cập nhật thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị.

c) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh.

d) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

e) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại điểm a, b, c, d khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về giá.

11. Ban Quản lý Khu kinh tế

a) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá theo thẩm quyền quản lý gồm: Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thuộc lĩnh vực kinh tế và dịch vụ khác trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

b) Cập nhật thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị.

c) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Giá đất cụ thể của các dự án để giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền 01 lần cho cả thời gian thuê do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

g) Cập nhật giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

h) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại điểm a, b, c, d, e, g khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về giá.

12. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh

a) Cập nhật thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị.

b) Cập nhật giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Cập nhật giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

d) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

e) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại điểm a, b, c, d khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về giá.

13. Thuế tỉnh Gia Lai:

a) Cập nhật đơn giá thuê đất.

b) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại điểm a khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về giá.

14. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Cập nhật giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật thuộc phạm vi quản lý.

b) Cập nhật giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

c) Cập nhật thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị.

d) Cập nhật giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu của đơn vị.

e) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại điểm a, b, c, d khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về giá.

15. Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Định

a) Cập nhật giá nước sạch sinh hoạt do đơn vị quản lý.

b) Chuyển dữ liệu tổng hợp tại điểm a khoản này cho Sở Tài chính xét duyệt để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về giá.

16. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa được quy định việc cập nhật dữ liệu về giá các hàng hóa, dịch vụ,... tại Quy chế này, căn cứ danh mục quy định tại khoản 1 Điều 9 của Quy chế này tự thực hiện rà soát, kiểm tra đối chiếu các hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý để cập nhật giá vào Cơ sở dữ liệu về giá theo quy định tại Quy chế này.

Điều 13. Thời điểm cập nhật thông tin dữ liệu lên Cơ sở dữ liệu về giá và kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá

a) Thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu định kỳ 01 lần/tháng (chậm nhất ngày 05 hằng tháng) đối với thông tin, dữ liệu cụ thể:

Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính.

Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu thường xuyên (tối đa sau 07 ngày kể từ khi văn bản, quyết định về thông tin, dữ liệu có hiệu lực) đối với các thông tin, dữ liệu cụ thể:

Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật.

Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, giá hàng hóa dịch vụ được thực hiện kê khai trên địa bàn tỉnh.

Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập tại địa phương.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tài chính

a) Quản lý, duy trì và đảm bảo kỹ thuật cho hoạt động thông suốt, liên tục của Cơ sở dữ liệu về giá.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị cung cấp phần mềm và các sở ngành có liên quan hướng dẫn vận hành, sử dụng Cơ sở dữ liệu về giá.

c) Cấp quyền (tên đơn vị, tên đăng nhập và mật khẩu) cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

d) Phối hợp hỗ trợ các cơ quan, đơn vị về việc khắc phục sự cố trong quá trình sử dụng Cơ sở dữ liệu về giá.

e) Tham mưu, đề xuất nâng cấp, hiệu chỉnh phần mềm, để kịp thời đáp ứng các yêu cầu trong công tác quản lý giá và yêu cầu của thực tiễn.

g) Tổ chức kiểm tra, xét duyệt dữ liệu về giá do các cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi đến để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về giá.

h) Tổ chức việc theo dõi, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, khai thác sử dụng Cơ sở dữ liệu về giá hiệu quả, thường xuyên, liên tục.

2. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính triển khai vận hành, sử dụng Cơ sở dữ liệu về giá; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai vận hành Cơ sở dữ liệu về giá trên thực tế.

3. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan

a) Tổ chức triển khai cập nhật, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm hiệu quả, thường xuyên, liên tục.

b) Quản lý, chỉ đạo, đôn đốc việc sử dụng Cơ sở dữ liệu về giá đúng mục đích, có hiệu quả, đảm bảo bí mật tài khoản người dùng, nội dung thông tin theo quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan của Nhà nước.

c) Bố trí cán bộ có kiến thức về công nghệ thông tin theo dõi, quản lý và xử lý các sự cố thông thường trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; thông báo kịp thời các sự cố xảy ra ngoài khả năng và trách nhiệm xử lý về Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Triển khai thực hiện các nội dung quản lý, sử dụng Cơ sở dữ liệu về giá tại Quy chế này đến từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

e) Cấp quyền (tên đơn vị, tên đăng nhập và mật khẩu) cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc phạm vi quản lý.

g) Giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc tổ chức cập nhật giá các hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý vào Cơ sở dữ liệu về giá theo quy định tại Quy chế này.

4. Các cá nhân được cấp tài khoản sử dụng: Có trách nhiệm bảo mật thông tin tài khoản được cấp theo quy định của pháp luật hiện hành, sử dụng tài khoản được cấp đúng mục đích theo quyền hạn, nhiệm vụ được giao, sử dụng đúng thao tác vận hành Cơ sở dữ liệu về giá. Cán bộ phụ trách quản lý về giá của các đơn vị chịu trách nhiệm bổ sung đầy đủ thông tin về giá của đơn vị trước khi trình thủ trưởng đơn vị (hoặc người có thẩm quyền) phê duyệt.

Điều 15. Kinh phí bảo đảm cho việc quản lý Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai

1. Kinh phí quản lý, vận hành, bảo trì, nâng cấp Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hàng năm, Sở Tài chính (cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu về giá) có trách nhiệm lập dự toán ngân sách phục vụ cho việc quản lý, vận hành, bảo trì, nâng cấp Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo đúng quy định, tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước trong dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan để đảm bảo triển khai thực hiện

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân sử dụng Cơ sở dữ liệu về giá có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai thực hiện Quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai; đồng thời, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc bất cập cần điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung thì các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.